|  |
| --- |
| **TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI** |
| **KHOA HỌC TỰ NHIÊN 9** |
| *Dùng chung cho các bộ sách hiện hành* |
| Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. |
| ***Lưu ý:*** Đánh dấu üvào ô ¨ với mỗi nhận định |
| **PHẦN ĐỀ** |
| **Câu** | **Nội dung** | **Đúng** | **Sai** |
| **1** | **Quá trình nguyên phân.** |
|  | a. Nguyên phân là hình thức phân bào để tạo ra các tế bào mới. | ¨ | ¨ |
|  | b. Nguyên phân chỉ diễn ra ở tế bào sinh dục. | ¨ | ¨ |
|  | c. Quá trình nguyên phân gồm hai giai đoạn: phân chia nhân và phân chia tế bào chất. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nguyên phân giúp tế bào sinh dưỡng tăng kích thước. | ¨ | ¨ |
| **2** | **Số lượng tế bào con được tạo ra từ một lần nguyên phân.** |
|  | a. Một lần nguyên phân từ một tế bào mẹ tạo ra hai tế bào con. | ¨ | ¨ |
|  | b. Một lần nguyên phân tạo ra bốn tế bào con. | ¨ | ¨ |
|  | c. Mỗi lần nguyên phân từ một tế bào mẹ tạo ra một tế bào con. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nguyên phân không tạo ra tế bào con. | ¨ | ¨ |
| **3** | **Bộ NST trong tế bào con.** |
|  | a. Bộ NST ở tế bào con luôn có sự thay đổi so với tế bào mẹ. | ¨ | ¨ |
|  | b. Bộ NST ở tế bào con giống hệt bộ NST ở tế bào mẹ. | ¨ | ¨ |
|  | c. Tế bào con nhận một nửa bộ NST từ tế bào mẹ. | ¨ | ¨ |
|  | d. Tế bào con không chứa bộ NST của tế bào mẹ. | ¨ | ¨ |
| **4** | **Vai trò của nguyên phân trong cơ thể đa bào.** |
|  | a. Nguyên phân giúp cơ thể đa bào sinh trưởng và phát triển. | ¨ | ¨ |
|  | b. Nguyên phân chỉ có vai trò trong quá trình sinh sản. | ¨ | ¨ |
|  | c. Nhờ nguyên phân, cơ thể đa bào duy trì sự sống bằng cách tạo ra các tế bào mới thay thế các tế bào bị chết. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nguyên phân không có vai trò gì trong cơ thể đa bào. | ¨ | ¨ |
| **5** | **Ý nghĩa di truyền học của nguyên phân.** |
|  | a. Nguyên phân không liên quan đến di truyền học. | ¨ | ¨ |
|  | b. Nguyên phân giúp truyền nguyên vẹn bộ NST của cơ thể mẹ cho thế hệ con cháu. | ¨ | ¨ |
|  | c. Nhờ nguyên phân, vật chất di truyền của cơ thể mẹ được truyền cho thế hệ con cháu. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nguyên phân không ảnh hưởng đến quá trình di truyền. | ¨ | ¨ |
| **6** | **Nguyên phân trong cơ thể đơn bào nhân thực.** |
|  | a. Nguyên phân là hình thức sinh sản của tế bào mẹ để sinh ra thế hệ con cháu có vật chất di truyền giống tế bào mẹ. | ¨ | ¨ |
|  | b. Nguyên phân không diễn ra trong cơ thể đơn bào nhân thực. | ¨ | ¨ |
|  | c. Nguyên phân giúp cơ thể đơn bào nhân thực phát triển. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nguyên phân làm giảm số lượng tế bào trong cơ thể đơn bào nhân thực. | ¨ | ¨ |
| **7** | **Quá trình nguyên phân diễn ra trong tế bào động vật.** |
|  | a. Quá trình nguyên phân diễn ra ở hầu hết các tế bào sinh dưỡng. | ¨ | ¨ |
|  | b. Quá trình nguyên phân chỉ diễn ra trong tế bào thực vật. | ¨ | ¨ |
|  | c. Quá trình nguyên phân không diễn ra trong tế bào động vật. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nguyên phân chỉ diễn ra trong tế bào động vật trưởng thành. | ¨ | ¨ |
| **8** | **Vai trò của nguyên phân trong cơ thể người.** |
|  | a. Nguyên phân giúp tạo ra các tế bào mới thay thế các tế bào bị tổn thương. | ¨ | ¨ |
|  | b. Nguyên phân không có vai trò gì trong cơ thể người. | ¨ | ¨ |
|  | c. Nguyên phân chỉ diễn ra trong cơ thể người khi còn nhỏ. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nguyên phân giúp cơ thể người duy trì sự sống bằng cách tạo ra các tế bào mới. | ¨ | ¨ |
| **9** | **Phân biệt nguyên phân và giảm phân.** |
|  | a. Nguyên phân là quá trình phân chia tế bào tạo ra hai tế bào con giống nhau về mặt di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | b. Giảm phân là quá trình phân chia tế bào tạo ra bốn tế bào con với bộ NST đơn bội. | ¨ | ¨ |
|  | c. Nguyên phân xảy ra ở tế bào sinh dục để tạo giao tử. | ¨ | ¨ |
|  | d. Giảm phân giúp duy trì số lượng NST của loài qua các thế hệ. | ¨ | ¨ |
| **10** | **Mối quan hệ giữa nguyên phân và giảm phân trong sinh sản hữu tính.** |
|  | a. Nguyên phân và giảm phân đều tạo ra tế bào con với số lượng NST giống nhau. | ¨ | ¨ |
|  | b. Trong sinh sản hữu tính, nguyên phân xảy ra trước giảm phân. | ¨ | ¨ |
|  | c. Giảm phân xảy ra trước nguyên phân trong quá trình tạo giao tử. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nguyên phân và giảm phân đều cần thiết cho quá trình sinh sản hữu tính. | ¨ | ¨ |
| **11** | **Ứng dụng của nguyên phân trong thực tiễn.** |
|  | a. Nguyên phân được sử dụng trong nuôi cấy mô thực vật. | ¨ | ¨ |
|  | b. Nguyên phân giúp tạo ra các tế bào gốc để điều trị bệnh. | ¨ | ¨ |
|  | c. Nguyên phân không có ứng dụng trong công nghệ sinh học. | ¨ | ¨ |
|  | d. Nguyên phân có thể ứng dụng trong nhân giống cây trồng. | ¨ | ¨ |
| **12** | **Sự khác biệt giữa giảm phân I và giảm phân II.** |
|  | a. Giảm phân I và giảm phân II đều là quá trình phân chia tế bào. | ¨ | ¨ |
|  | b. Giảm phân I không có sự trao đổi chéo giữa các NST kép, còn giảm phân II thì có. | ¨ | ¨ |
|  | c. Giảm phân I tách đôi các NST đơn, còn giảm phân II tách đôi các NST kép. | ¨ | ¨ |
|  | d. Trong cả hai quá trình giảm phân, số lượng tế bào con tạo ra cuối cùng là như nhau. | ¨ | ¨ |
| **13** | **Ý nghĩa của quá trình giảm phân.** |
|  | a. Giảm phân giúp duy trì bộ NST đặc trưng của loài qua các thế hệ. | ¨ | ¨ |
|  | b. Quá trình giảm phân không góp phần tạo ra sự đa dạng di truyền trong quần thể. | ¨ | ¨ |
|  | c. Sự sai lệch trong quá trình giảm phân không ảnh hưởng đến sự di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | d. Giảm phân là cơ chế duy nhất tạo ra sự đa dạng di truyền. | ¨ | ¨ |
| **14** | **Quá trình giảm phân ở động vật và thực vật.** |
|  | a. Ở động vật, quá trình giảm phân tạo ra giao tử đực và giao tử cái. | ¨ | ¨ |
|  | b. Ở thực vật, giảm phân không xảy ra trong các tế bào sinh dục của hoa. | ¨ | ¨ |
|  | c. Ở động vật, giảm phân xảy ra trong tế bào sinh tinh và sinh trứng. | ¨ | ¨ |
|  | d. Ở thực vật, sự phân ly của NST trong giảm phân I không quyết định sự kết hợp của giao tử. | ¨ | ¨ |
| **15** | **So sánh giảm phân và nguyên phân.** |
|  | a. Giảm phân tạo ra tế bào con với số lượng NST bằng tế bào mẹ, còn nguyên phân tạo ra tế bào con với số lượng NST bằng một nửa tế bào mẹ. | ¨ | ¨ |
|  | b. Giảm phân gồm hai lần phân chia tế bào, còn nguyên phân chỉ có một lần. | ¨ | ¨ |
|  | c. Cả giảm phân và nguyên phân đều có giai đoạn nhân đôi NST. | ¨ | ¨ |
|  | d. Giảm phân và nguyên phân đều tạo ra tế bào con với bộ NST lưỡng bội. | ¨ | ¨ |
| **16** | **Sự phân ly của NST trong giảm phân.** |
|  | a. Sự phân ly của NST xảy ra trong giảm phân I và giảm phân II. | ¨ | ¨ |
|  | b. Sự phân ly độc lập của các NST trong giảm phân I tạo ra nhiều kiểu giao tử khác nhau. | ¨ | ¨ |
|  | c. Sự phân ly của NST trong giảm phân II tương tự như sự phân ly trong nguyên phân. | ¨ | ¨ |
|  | d. Sự phân ly của NST trong giảm phân không ảnh hưởng đến tính trạng di truyền của con cái. | ¨ | ¨ |
| **17** | **Quá trình giảm phân ở các loài khác nhau.** |
|  | a. Giảm phân ở thực vật có hoa không tạo ra noãn và hạt phấn với bộ NST đơn bội. | ¨ | ¨ |
|  | b. Ở một số loài thực vật, giảm phân tạo ra bào tử thay vì giao tử. | ¨ | ¨ |
|  | c. Giảm phân ở các loài động vật có vú tạo ra giao tử đực và giao tử cái với số lượng bằng nhau. | ¨ | ¨ |
|  | d. Giảm phân diễn ra ở tất cả các loài sinh sản hữu tính. | ¨ | ¨ |
| **18** | **Ứng dụng của giảm phân trong nghiên cứu và y học.** |
|  | a. Giảm phân giúp các nhà khoa học hiểu rõ hơn về quá trình di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | b. Nghiên cứu về giảm phân không giúp phát hiện và điều trị các bệnh di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | c. Giảm phân được sử dụng trong kỹ thuật sinh sản nhân tạo. | ¨ | ¨ |
|  | d. Giảm phân không có ứng dụng thực tiễn trong y học. | ¨ | ¨ |
| **19** | **Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giảm phân.** |
|  | a. Các tác nhân hóa học không thể gây ra sự sai lệch trong quá trình giảm phân. | ¨ | ¨ |
|  | b. Môi trường sống không ảnh hưởng đến quá trình giảm phân. | ¨ | ¨ |
|  | c. Nhiệt độ và dinh dưỡng có thể ảnh hưởng đến quá trình giảm phân ở thực vật. | ¨ | ¨ |
|  | d. Đột biến gen có thể ảnh hưởng đến quá trình giảm phân. | ¨ | ¨ |
| **20** | **Ứng dụng của nguyên phân và giảm phân trong nghiên cứu và y học.** |
|  | a. Nguyên phân được sử dụng để nghiên cứu di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | b. Giảm phân giúp phát hiện và điều trị các bệnh di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | c. Nguyên phân không có vai trò trong kỹ thuật sinh sản nhân tạo. | ¨ | ¨ |
|  | d. Giảm phân được sử dụng trong kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm. | ¨ | ¨ |
| **PHẦN ĐÁP ÁN** |
| **Câu** | **Nội dung** | **Đúng** | **Sai** |
| **1** | **Quá trình nguyên phân.** |
|  | a. Nguyên phân là hình thức phân bào để tạo ra các tế bào mới. | þ | ¨ |
|  | b. Nguyên phân chỉ diễn ra ở tế bào sinh dục. | ¨ | þ |
|  | c. Quá trình nguyên phân gồm hai giai đoạn: phân chia nhân và phân chia tế bào chất. | þ | ¨ |
|  | d. Nguyên phân giúp tế bào sinh dưỡng tăng kích thước. | ¨ | þ |
| **2** | **Số lượng tế bào con được tạo ra từ một lần nguyên phân.** |
|  | a. Một lần nguyên phân từ một tế bào mẹ tạo ra hai tế bào con. | þ | ¨ |
|  | b. Một lần nguyên phân tạo ra bốn tế bào con. | ¨ | þ |
|  | c. Mỗi lần nguyên phân từ một tế bào mẹ tạo ra một tế bào con. | ¨ | þ |
|  | d. Nguyên phân không tạo ra tế bào con. | ¨ | þ |
| **3** | **Bộ NST trong tế bào con.** |
|  | a. Bộ NST ở tế bào con luôn có sự thay đổi so với tế bào mẹ. | ¨ | þ |
|  | b. Bộ NST ở tế bào con giống hệt bộ NST ở tế bào mẹ. | þ | ¨ |
|  | c. Tế bào con nhận một nửa bộ NST từ tế bào mẹ. | ¨ | þ |
|  | d. Tế bào con không chứa bộ NST của tế bào mẹ. | ¨ | þ |
| **4** | **Vai trò của nguyên phân trong cơ thể đa bào.** |
|  | a. Nguyên phân giúp cơ thể đa bào sinh trưởng và phát triển. | þ | ¨ |
|  | b. Nguyên phân chỉ có vai trò trong quá trình sinh sản. | ¨ | þ |
|  | c. Nhờ nguyên phân, cơ thể đa bào duy trì sự sống bằng cách tạo ra các tế bào mới thay thế các tế bào bị chết. | þ | ¨ |
|  | d. Nguyên phân không có vai trò gì trong cơ thể đa bào. | ¨ | þ |
| **5** | **Ý nghĩa di truyền học của nguyên phân.** |
|  | a. Nguyên phân không liên quan đến di truyền học. | ¨ | þ |
|  | b. Nguyên phân giúp truyền nguyên vẹn bộ NST của cơ thể mẹ cho thế hệ con cháu. | þ | ¨ |
|  | c. Nhờ nguyên phân, vật chất di truyền của cơ thể mẹ được truyền cho thế hệ con cháu. | þ | ¨ |
|  | d. Nguyên phân không ảnh hưởng đến quá trình di truyền. | ¨ | þ |
| **6** | **Nguyên phân trong cơ thể đơn bào nhân thực.** |
|  | a. Nguyên phân là hình thức sinh sản của tế bào mẹ để sinh ra thế hệ con cháu có vật chất di truyền giống tế bào mẹ. | þ | ¨ |
|  | b. Nguyên phân không diễn ra trong cơ thể đơn bào nhân thực. | ¨ | þ |
|  | c. Nguyên phân giúp cơ thể đơn bào nhân thực phát triển. | þ | ¨ |
|  | d. Nguyên phân làm giảm số lượng tế bào trong cơ thể đơn bào nhân thực. | ¨ | þ |
| **7** | **Quá trình nguyên phân diễn ra trong tế bào động vật.** |
|  | a. Quá trình nguyên phân diễn ra ở hầu hết các tế bào sinh dưỡng. | þ | ¨ |
|  | b. Quá trình nguyên phân chỉ diễn ra trong tế bào thực vật. | ¨ | þ |
|  | c. Quá trình nguyên phân không diễn ra trong tế bào động vật. | ¨ | þ |
|  | d. Nguyên phân chỉ diễn ra trong tế bào động vật trưởng thành. | ¨ | þ |
| **8** | **Vai trò của nguyên phân trong cơ thể người.** |
|  | a. Nguyên phân giúp tạo ra các tế bào mới thay thế các tế bào bị tổn thương. | þ | ¨ |
|  | b. Nguyên phân không có vai trò gì trong cơ thể người. | ¨ | þ |
|  | c. Nguyên phân chỉ diễn ra trong cơ thể người khi còn nhỏ. | ¨ | þ |
|  | d. Nguyên phân giúp cơ thể người duy trì sự sống bằng cách tạo ra các tế bào mới. | þ | ¨ |
| **9** | **Phân biệt nguyên phân và giảm phân.** |
|  | a. Nguyên phân là quá trình phân chia tế bào tạo ra hai tế bào con giống nhau về mặt di truyền. | þ | ¨ |
|  | b. Giảm phân là quá trình phân chia tế bào tạo ra bốn tế bào con với bộ NST đơn bội. | þ | ¨ |
|  | c. Nguyên phân xảy ra ở tế bào sinh dục để tạo giao tử. | ¨ | þ |
|  | d. Giảm phân giúp duy trì số lượng NST của loài qua các thế hệ. | þ | ¨ |
| **10** | **Mối quan hệ giữa nguyên phân và giảm phân trong sinh sản hữu tính.** |
|  | a. Nguyên phân và giảm phân đều tạo ra tế bào con với số lượng NST giống nhau. | ¨ | þ |
|  | b. Trong sinh sản hữu tính, nguyên phân xảy ra trước giảm phân. | ¨ | þ |
|  | c. Giảm phân xảy ra trước nguyên phân trong quá trình tạo giao tử. | ¨ | þ |
|  | d. Nguyên phân và giảm phân đều cần thiết cho quá trình sinh sản hữu tính. | þ | ¨ |
| **11** | **Ứng dụng của nguyên phân trong thực tiễn.** |
|  | a. Nguyên phân được sử dụng trong nuôi cấy mô thực vật. | þ | ¨ |
|  | b. Nguyên phân giúp tạo ra các tế bào gốc để điều trị bệnh. | þ | ¨ |
|  | c. Nguyên phân không có ứng dụng trong công nghệ sinh học. | ¨ | þ |
|  | d. Nguyên phân có thể ứng dụng trong nhân giống cây trồng. | þ | ¨ |
| **12** | **Sự khác biệt giữa giảm phân I và giảm phân II.** |
|  | a. Giảm phân I và giảm phân II đều là quá trình phân chia tế bào. | þ | ¨ |
|  | b. Giảm phân I không có sự trao đổi chéo giữa các NST kép, còn giảm phân II thì có. | ¨ | þ |
|  | c. Giảm phân I tách đôi các NST đơn, còn giảm phân II tách đôi các NST kép. | ¨ | þ |
|  | d. Trong cả hai quá trình giảm phân, số lượng tế bào con tạo ra cuối cùng là như nhau. | ¨ | þ |
| **13** | **Ý nghĩa của quá trình giảm phân.** |
|  | a. Giảm phân giúp duy trì bộ NST đặc trưng của loài qua các thế hệ. | þ | ¨ |
|  | b. Quá trình giảm phân không góp phần tạo ra sự đa dạng di truyền trong quần thể. | ¨ | þ |
|  | c. Sự sai lệch trong quá trình giảm phân không ảnh hưởng đến sự di truyền. | ¨ | þ |
|  | d. Giảm phân là cơ chế duy nhất tạo ra sự đa dạng di truyền. | ¨ | þ |
| **14** | **Quá trình giảm phân ở động vật và thực vật.** |
|  | a. Ở động vật, quá trình giảm phân tạo ra giao tử đực và giao tử cái. | þ | ¨ |
|  | b. Ở thực vật, giảm phân không xảy ra trong các tế bào sinh dục của hoa. | ¨ | þ |
|  | c. Ở động vật, giảm phân xảy ra trong tế bào sinh tinh và sinh trứng. | þ | ¨ |
|  | d. Ở thực vật, sự phân ly của NST trong giảm phân I không quyết định sự kết hợp của giao tử. | ¨ | þ |
| **15** | **So sánh giảm phân và nguyên phân.** |
|  | a. Giảm phân tạo ra tế bào con với số lượng NST bằng tế bào mẹ, còn nguyên phân tạo ra tế bào con với số lượng NST bằng một nửa tế bào mẹ. | ¨ | þ |
|  | b. Giảm phân gồm hai lần phân chia tế bào, còn nguyên phân chỉ có một lần. | þ | ¨ |
|  | c. Cả giảm phân và nguyên phân đều có giai đoạn nhân đôi NST. | þ | ¨ |
|  | d. Giảm phân và nguyên phân đều tạo ra tế bào con với bộ NST lưỡng bội. | ¨ | þ |
| **16** | **Sự phân ly của NST trong giảm phân.** |
|  | a. Sự phân ly của NST xảy ra trong giảm phân I và giảm phân II. | þ | ¨ |
|  | b. Sự phân ly độc lập của các NST trong giảm phân I tạo ra nhiều kiểu giao tử khác nhau. | þ | ¨ |
|  | c. Sự phân ly của NST trong giảm phân II tương tự như sự phân ly trong nguyên phân. | þ | ¨ |
|  | d. Sự phân ly của NST trong giảm phân không ảnh hưởng đến tính trạng di truyền của con cái. | ¨ | þ |
| **17** | **Quá trình giảm phân ở các loài khác nhau.** |
|  | a. Giảm phân ở thực vật có hoa không tạo ra noãn và hạt phấn với bộ NST đơn bội. | ¨ | þ |
|  | b. Ở một số loài thực vật, giảm phân tạo ra bào tử thay vì giao tử. | þ | ¨ |
|  | c. Giảm phân ở các loài động vật có vú tạo ra giao tử đực và giao tử cái với số lượng bằng nhau. | ¨ | þ |
|  | d. Giảm phân diễn ra ở tất cả các loài sinh sản hữu tính. | þ | ¨ |
| **18** | **Ứng dụng của giảm phân trong nghiên cứu và y học.** |
|  | a. Giảm phân giúp các nhà khoa học hiểu rõ hơn về quá trình di truyền. | þ | ¨ |
|  | b. Nghiên cứu về giảm phân không giúp phát hiện và điều trị các bệnh di truyền. | ¨ | þ |
|  | c. Giảm phân được sử dụng trong kỹ thuật sinh sản nhân tạo. | þ | ¨ |
|  | d. Giảm phân không có ứng dụng thực tiễn trong y học. | ¨ | þ |
| **19** | **Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giảm phân.** |
|  | a. Các tác nhân hóa học không thể gây ra sự sai lệch trong quá trình giảm phân. | ¨ | þ |
|  | b. Môi trường sống không ảnh hưởng đến quá trình giảm phân. | ¨ | þ |
|  | c. Nhiệt độ và dinh dưỡng có thể ảnh hưởng đến quá trình giảm phân ở thực vật. | þ | ¨ |
|  | d. Đột biến gen có thể ảnh hưởng đến quá trình giảm phân. | þ | ¨ |
| **20** | **Ứng dụng của nguyên phân và giảm phân trong nghiên cứu và y học.** |
|  | a. Nguyên phân được sử dụng để nghiên cứu di truyền. | þ | ¨ |
|  | b. Giảm phân giúp phát hiện và điều trị các bệnh di truyền. | þ | ¨ |
|  | c. Nguyên phân không có vai trò trong kỹ thuật sinh sản nhân tạo. | ¨ | þ |
|  | d. Giảm phân được sử dụng trong kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm. | þ | ¨ |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com